

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2025/KDTM-ST

Ngày: 08/9/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 401/2024/TLST- KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 566/2025/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1477/2025/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T3

Trụ sở: Tòa nhà T4, số E, phố L, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội (nay Tòa nhà T4, số E, phố L, phường C, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Minh P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Văn T; bà Trần Thị Thu T1; ông Thạch Trung H; bà Lâm Vũ Từ N; Cùng địa chỉ: C Hậu Giang, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là C Hậu Giang, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), (theo Giấy ủy quyền số 952/2024/GUQ—TPB.DR ngày 08/8/2024).

2. Bị đơn: Công ty TNHH X

Trụ sở: 61 đường F, phường P, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 61 đường F, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T2; Chức vụ: Giám đốc;
Chỗ ở hiện tại: 61 đường F, phường P, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 61 đường F, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh)

(Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 8 năm 2024 và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T3

Nội dung vụ kiện: Ngày 16/5/2017 Ngân hàng TMCP T3 (sau đây gọi tắt là T4) ký hợp đồng cho vay số 269/2017/HDTD/SGN/01 với Công ty TNHH X (sau đây gọi là Công ty TNHH X). Nội dung cụ thể, T4 cho Công ty TNHH X vay số tiền 656.250.000 đồng (sáu trăm năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), mục đích vay: thanh toán tiền mua xe Ford theo hợp đồng mua bán ô tô số 1035/HĐMB-SGF-2017 ngày 20/4/2017. Thời hạn vay 60 tháng, với mức lãi suất từ ngày nhận nợ đầu tiên đến ngày 17/5/2018 là 7.8%/năm, lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 17/5/2022 được điều chỉnh 03 tháng một lần; trả gốc phân kỳ và lãi hàng tháng theo thỏa thuận của hợp đồng. Ngày 16/5/2017 Công ty TNHH X đã nhận đủ số tiền trên theo khế ước nhận nợ số 269/2017/GNN/SGN/01 ngày 16/5/2017 đã ký với T4.

Tài sản thế chấp: Theo hợp đồng thế chấp số 269/2017/HDBD/SGN/01 ngày 16/5/2017 ký giữa Ngân hàng TMCP T3 và Công ty TNHH X là 01 xe ô tô khách nhãn hiệu Ford, số loại Transit, màu ghi vàng, loại xe: ô tô khách, số chỗ: 16 chỗ, số khung: RL3DLT4MFHPR58227, số máy: H1P00206DURATORQ4D244L, biển kiểm soát: 51B-236.23, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 271641, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017 mang tên Công ty TNHH X; Địa chỉ: F đường F, phường P, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 61 đường F, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) giữa Ngân hàng TMCP T3 và Công ty TNHH X đã ký.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH X đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và nợ gốc hàng tháng. T4 đã rất nhiều lần liên hệ với Công ty TNHH X để yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc và lãi quá hạn nhưng Công ty TNHH X vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Nay Công ty TNHH X không còn khả năng trả nợ, nên T4 thông báo khởi kiện và thu hồi nợ trước hạn với Công ty TNHH X và chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn.

Ngân hàng TMCP T3 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty TNHH X thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 08/9/2025 là 985.046.849 đồng (chín trăm tám mươi lăm triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn tám trăm bốn mươi chín đồng), gồm tiền nợ gốc là 450.567.283 đồng (bốn trăm năm mươi triệu năm trăm sáu mươi bảy ngàn hai trăm tám mươi ba đồng), tiền nợ lãi là 534.479.566 đồng (năm trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm sáu mươi sáu đồng), thanh toán làm 1 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Yêu cầu Công ty TNHH X tiếp tục trả tiền lãi quá hạn từ ngày 09/9/2025 theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng TMCP T3 với Công ty TNHH X cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

- Trường hợp Công ty TNHH X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ trên, thì Ngân hàng TMCP T3 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô khách nhãn hiệu Ford, số loại Transit, màu ghi vàng, loại xe: ô tô khách, số chỗ: 16 chỗ, số khung: RL3DLT4MFHPR58227, số máy: H1P00206DURATORQ4D244L, biển kiểm soát: 51B-236.23, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 271641, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017 mang tên Công ty TNHH X; Địa chỉ: F đường F, phường P, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 61 đường F, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), để thu hồi nợ cho T4.

Tại phiên tòa,

[1] Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và vẫn bảo lưu yêu cầu của mình như trên. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Về tiền lãi suất kể từ ngày 09/9/2025, Công ty TNHH X còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T3 tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng TMCP T3 với Công ty TNHH X cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[2] Đối với bị đơn Công ty TNHH X trong suốt quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện kiểm sát về yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn đã được tòa triệu tập hợp lệ nhưng không đến. Do đó đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP T3 với Công ty TNHH X phát sinh từ quan hệ hợp đồng tín dụng, phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại, đều có mục đích lợi nhuận thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn hiện có trụ sở hoạt động tại địa chỉ phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét, Giấy ủy quyền ngày 08/8/2024 của Ngân hàng TMCP T3 ủy quyền cho ông Phạm Văn T; bà Trần Thị Thu T1; ông Thạch Trung H; bà Lâm Vũ Từ N tham gia tố tụng tại Tòa án là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận. Do đó, các ông bà có tên trong Giấy ủy quyền trên được tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn trong vụ án.

Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ: Căn cứ vào văn bản xác minh ngày 13/12/2022 của Công an phường P, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) thì tại địa chỉ số F đường F, phường P, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 61 đường F, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) không có ai tên Nguyễn Anh T2, sinh năm 1973. Căn cứ vào văn bản xác minh ngày 13/12/2022 của Công an phường P, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) thì qua rà soát thông tin, không có Công ty TNHH X ở tại địa chỉ trên.

Căn cứ vào văn bản 4349/ĐKKD-T6 ngày 14/5/2024 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố H – Phòng Đăng ký kinh doanh, xác định Công ty TNHH X, mã số doanh nghiệp C, có trụ sở hoạt động tại số F đường F, phường P, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 61 đường F, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), đăng ký thay đổi lần thứ 1, vào ngày 27/5/2013, đến nay doanh nghiệp chưa đăng ký giải thể.

[2] Về nội dung:

Xét, về hình thức hợp đồng cho vay số 269/2017/HDTD/SGN/01 ngày 16/5/2017 ký giữa các bên được lập bằng văn bản và xác lập hoàn toàn tự nguyện là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với hợp đồng cho vay số 269/2017/HDTD/SGN/01 ngày 16/5/2017 ký giữa Ngân hàng TMCP T3 với Công ty TNHH X, vấn đề này Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng: nguyên đơn có xác lập hợp đồng trên với bị đơn. Quá trình thực hiện hợp đồng trên bị đơn luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn và thông báo khởi kiện và thu hồi nợ trước hạn với bị đơn. Nay nguyên đơn yêu bị đơn trả số tiền còn nợ là 985.046.849 đồng (chín trăm tám mươi lăm triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn tám trăm bốn mươi chín đồng), gồm tiền nợ gốc là 450.567.283 đồng (bốn trăm năm mươi triệu năm trăm sáu mươi bảy ngàn hai trăm tám mươi ba đồng), tiền nợ lãi là 534.479.566 đồng (năm trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm sáu mươi sáu đồng). Xét thấy, bị đơn đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ trả nợ của mình theo Điều 466 Bộ Luật Dân Sự năm 2015 “Nghĩa vụ trả nợ của bên vay” là thanh toán tiền còn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi, tiền lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như trong thỏa thuận, do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 985.046.849 đồng là có cơ sở pháp luật, nên HĐXX chấp nhận.

Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 09/9/2025 theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ trên theo như hai bên đã thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Về cách trả: Bị đơn vi phạm hợp đồng đã lâu, gây trở ngại cho hoạt động bình thường của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán làm 1 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật của nguyên đơn là có cơ sở, nên HĐXX ghi nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

- Đối với yêu cầu buộc bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ trên, thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô khách nhãn hiệu Ford, số loại Transit, màu ghi vàng, loại xe: ô tô khách, số chỗ: 16 chỗ, số khung: RL3DLT4MFHPR58227, số máy: H1P00206DURATORQ4D244L, biển kiểm soát: 51B-236.23, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 271641, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017 mang tên Công ty TNHH X; Địa chỉ: F đường F, phường P, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 61 đường F, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) giữa Ngân hàng TMCP T3 và Công ty TNHH X đã hợp đồng mua bán ô tô số 1035/HĐMB-SGF-2017 ngày 20/4/2017, đã đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 17/5/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ về cho nguyên đơn.

Xét, về hình thức hợp đồng thế chấp số 269/2017/HDBD/SGN/01 ngày 16/5/2017 ký giữa Ngân hàng TMCP T3 và Công ty TNHH X, sau khi ký hợp đồng cho vay số 269/2017/HDTD/SGN/01 ngày 16/5/2017 trên, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn theo hợp đồng đã ký và khế ước nhận nợ số 269/2017/GNN/SGN ngày 16/5/2017 đã ký giữa bị đơn và nguyên đơn. Bị đơn xác định đã nhận đủ số tiền là 656.250.000 đồng (sáu trăm năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 269/2017/HDBD/SGN/01 ngày 16/5/2017 trên, đã đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 17 tháng 5 năm 2017 giữa bên nhận bảo đảm Ngân hàng TMCP T3 và bên bảo đảm là Công ty TNHH X. Như vậy, thỏa thuận giữa các bên được lập là phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với ý kiến của bị đơn Công ty TNHH X: Do bị đơn không đến Tòa án tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không gửi văn bản hay giao nộp tài liệu chứng cứ liên quan đến giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xác định bị đơn có ký hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và hợp đồng thế chấp trên với nguyên đơn và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích, nhận định trên và Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nhận thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. H1 lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 280; Điều 233, Điều 235, Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 và Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 292; Điều 293; Điều 295; Điều 298; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321; Điều 322 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án, có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T3 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với Công ty TNHH X.

Buộc Công ty TNHH X có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP T3 số tiền là 985.046.849 đồng (chín trăm tám mươi lăm triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn tám trăm bốn mươi chín đồng), thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 09/9/2025, Công ty TNHH X còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn phát sinh tương ứng với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số 269/2017/HDTD/SGN/01 ngày 16/5/2017 và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trong trường hợp Công ty TNHH X không thanh toán hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP T3 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là: xe ô tô khách nhãn hiệu Ford, số loại Transit, màu ghi vàng, loại xe: ô tô khách, số chỗ: 16 chỗ, số khung: RL3DLT4MFHPR58227, số máy: H1P00206DURATORQ4D244L, biển kiểm soát: 51B-236.23, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 271641, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017 mang tên Công ty TNHH X; Địa chỉ: F đường F, phường P, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 61 đường F, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 17 tháng 5 năm 2017 ký giữa Ngân hàng TMCP T3 và Công ty TNHH X để thu hồi nợ.

2. Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 41.551.405 đồng (bốn mươi một triệu năm trăm năm mươi một ngàn bốn trăm lẻ năm đồng) buộc Công ty TNHH X phải chịu.

H1 lại cho Ngân hàng TMCP T3 toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 19.774.844 đồng (mười chín triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm bốn mươi bốn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0044651 ngày 25/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực 2 – TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 2 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Loan